TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tùng;

2. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 384/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Chung cư P, khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh, tỉnh Bình Dương – có mặt.

Bị đơn: Bà Đỗ Ngọc N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Chung cư P, khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh, tỉnh Bình Dương - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày: Ông A và bà Đỗ Ngọc N tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng từ khi bắt đầu chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nên đã sống ly thân từ ngày 7/4/2021, nguyên nhân do tính tình

không hợp nhau, bất đồng ý kiến trong cách suy nghĩ và công việc, không có tiếng nói chung. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông A với bà N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn bà Đỗ Ngọc N đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Toà án đã triệu tập hợp lệ bà N để làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ nhưng bà N vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Đỗ Ngọc N cư trú tại chung cư P, khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng A và bà Đỗ Ngoc Nguyên tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông A cho rằng giữa ông và bà N không còn yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng nên ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N. Kết quả xác minh ngày 09/11/2021 thể hiện: Bà Đỗ Ngọc N có đăng ký tạm trú tại chung cư P, khu phố

6, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới tranh chấp về ly hôn giữa ông A và bà N.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân thị xã Bến Cát đã tiến hành triệu tập bà N đến Toà để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N không đến và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó cho thấy lời trình bày của ông A là có căn cứ, bà N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[4] Về con chung: Ông A và bà N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung; bị đơn vắng mặt và không tranh chấp gì về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A đối với bị đơn bà Đỗ Ngọc N về việc ly hôn.

Ông Nguyễn Hoàng A được ly hôn với bà Đỗ Ngọc N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp tại Biên lai thu số 0004324 ngày 2/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát;
- Uỷ ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS,VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến